

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2021

V/v Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh  
chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Lan và ông Phạm Viết Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Cao Xuân T - Sinh ngày 05/3/1975.

Địa chỉ: Thôn CX, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*

**+ Người được ông Cao Xuân T ủy quyền nhận các văn bản tố tụng:**

Ông Cao Văn K – Sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn CX, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

*Vắng mặt tại phiên tòa.*

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Q - Sinh ngày 20/12/1979.

Địa chỉ: Thôn CX, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Bà Phạm Thị Kiều Hưng – Luật sư Văn phòng luật TNHH Famik thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.  
*Vắng mặt tại phiên tòa.*

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch UBND xã TH.

*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Xuân T trình bày yêu cầu như sau:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà Nguyễn Thị Q được tự do tìm hiểu trong thời gian khoảng 05 tháng và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 26 năm đến khoảng tháng 6/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, hai bên xảy ra cãi nhau và đã ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã làm đơn ly hôn bà Q. Khi làm đơn ly hôn, ông T thấy rằng tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả ông và bà Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cụ thể trong Giấy đăng ký kết hôn, ông T đã kê khai mình tên Cao Văn T, sinh năm 1972 nhưng thực tế ông tên là Cao Xuân T, sinh ngày 05/3/1975 còn bà Q kê khai tên là Nguyễn Thị K, sinh năm 1974 nhưng chính xác là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 20/12/1979. Việc ông và bà Q khai tăng tuổi như vậy khi đăng ký kết hôn là để đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn còn thực tế ông và bà Q đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy ông đã làm đơn ly hôn và đề nghị tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà Q theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Ông T xác định ông và bà Q có 04 con chung là Cao Thị K, sinh năm 1994; Cao Thị H, sinh năm 1998; Cao Thị H2, sinh ngày 15/6/2003; Cao Văn P, sinh ngày 11/11/2007. Đối với các con chung Cao Thị K, Cao Thị H tại thời điểm ông gửi đơn ly hôn đều đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên ông T không đề nghị tòa án giải quyết. Đối với con chung Cao Thị H2

và Cao Văn P, ông đề nghị tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con. Các con chung Hạnh và Phúc đều có nguyện vọng ở cùng với bà Q ông cũng nhất trí.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Ông và bà Q tự thỏa thuận giải quyết và không đề nghị tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày quan điểm như sau:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Cao Xuân T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, thậm chí có lần bà bị ông T đánh, ông T hất bát cá đùn củ vào mặt bà trước sự chứng kiến của chị dâu và 03 con. Do mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2019 cho đến nay, ông T ra ngoài sinh sống và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà xác định đến nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Về việc đăng ký kết hôn, bà Q cũng thừa nhận tại thời điểm đăng ký kết hôn do không có chứng minh thư nhân dân, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và bà có sử dụng một tên gọi khác là Nguyễn Thị K (tên gọi K hiện nay bà không còn sử dụng) nên khi đăng ký, bà đã kê khai mình tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1974 để đủ điều kiện kết hôn cùng với ông T. Bà xác định tên, tuổi chính xác của bà là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 20/12/1979. Nay, ông T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông T, bà đề nghị Tòa án giải quyết nguyện vọng của ông T.

*Về con chung:* Bà xác định ông T và bà có 04 con chung là Cao Thị K, sinh năm 1994; Cao Thị H, sinh năm 1998; Cao Thị H2, sinh ngày 15/6/2003; Cao Văn P, sinh ngày 11/11/2007.

Đối với các con chung Cao Thị K, Cao Thị H, Cao Thị H2 tại thời điểm hiện nay đều đã trên 18 tuổi nên bà không đề nghị tòa án giải quyết về quyền nuôi dưỡng. Đối với con chung Cao Văn P, trong trường hợp Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật, bà đề nghị tòa án giải quyết cho bà được nuôi con chung vì hiện nay ông T đã đi nước ngoài lao động và bà tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Quá trình giải quyết vụ án, bà Q có đề nghị Tòa án xem xét về phân chia tài sản chung tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19/5/2021, bà Q không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, sau này bà và ông T sẽ bàn bạc, giải quyết sau.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện UBND xã TH trình bày quan điểm như sau:*

Ủy ban nhân dân xã TH đã tiến hành kiểm tra, rà soát Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã quản lý năm 1992, 1993 thể hiện: Tại số thứ tự 84, quyển số 01 có thông tin đăng ký kết hôn giữa: Bên chồng là Cao Văn T, sinh năm 1972 và bên vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1974, đều cư trú thôn CX, xã TH. Trong sổ thể hiện ông T, bà K trực tiếp ký tên vào sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ngoài trường hợp ông T, bà K có thông tin đăng ký kết hôn nêu trên, trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn không còn trường hợp nào khác có chồng tên là Thôn và vợ tên là Quyên hoặc K. Việc ông T kết hôn cùng bà K là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm kết hôn bởi ông T kê khai đã 21 tuổi, bà K khai 19 tuổi đủ tuổi kết hôn theo quy định nên UBND xã TH thời kỳ đó đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho ông T, bà Q. Hiện nay, UBND xã TH chỉ còn lưu Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1992, 1993 để cung cấp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án. Căn cứ vào tài liệu do ông T, bà Q xuất trình thì có sự sai lệch về thông tin về tên, ngày tháng năm sinh, theo đó tại thời điểm đăng ký kết hôn, nếu theo thông tin về ngày tháng năm sinh trong các giấy tờ khác như Chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình... thì ông T mới 18 tuổi, bà Q 14 tuổi, nguyên nhân là do cả hai tự khai báo tăng tuổi lên khi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến nay, ông T đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa hai vợ chồng, UBND xã TH không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án làm rõ các căn cứ và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn ông Cao Xuân T, bị đơn bà Nguyễn Thị Q và đại diện UBND xã TH vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là bà Phạm Thị Kiều Hưng và người được ông Cao Xuân T ủy quyền nhận các văn bản tố tụng là ông Cao Văn K vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố

tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Xuân T, hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Cao Xuân T và bà Nguyễn Thị Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Q nuôi dưỡng con chung Cao Văn P, sinh ngày 11/11/2007 cho đến khi tròn 18 tuổi trưởng thành.

Đối với các con chung Cao Thị K, Cao Thị H và Cao Thị H2 đã đủ 18 tuổi nên không phải giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết do ông T và bà Q không yêu cầu.

Về án phí: Ông Cao Xuân T là người khởi kiện nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Cao Xuân T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con khi hủy kết hôn trái pháp luật với bà Nguyễn Thị Q, hiện ông T và bà Q đều cư trú xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, tháng 04/2021 ông Cao Xuân T có đơn trình bày là ông xuất cảnh sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động kể từ tháng 04/2021 và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc ông T đi nước ngoài phát sinh sau khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có sự thay đổi về thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 471 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Xuân T đã có văn bản ủy quyền cho anh trai là ông Cao Văn K nhận các văn bản tố tụng của tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Q và đại diện UBND xã TH có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là luật sư Phạm Thị Kiều Hưng và ông Cao Văn K không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Ông Cao Xuân T và bà Nguyễn Thị Q đều thừa nhận vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (nay là xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương). Qua xác minh tại địa phương, tại số thứ tự 84, quyển số 01 Sổ đăng ký kết hôn năm 1992, 1993 của UBND xã TH có thông tin đăng ký kết hôn giữa bên chồng là ông Cao Văn T, sinh năm 1972 và bên vợ là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974, đều cư trú thôn CX, xã TH vào ngày 04/10/1993, ngoài trường hợp nêu trên trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn không còn trường hợp nào khác đăng ký kết hôn có chồng tên là Thôn và vợ tên là Quyên hoặc K. UBND xã TH cũng xác định đây chính là thông tin về việc đăng ký kết hôn của vợ chồng ông T và bà Q trong vụ án Hôn nhân và gia đình đang được giải quyết tại TAND huyện Bình Giang.

Ông Cao Xuân T đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với bà Nguyễn Thị Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với lý do khi kết hôn ông và bà Q đã vi phạm về độ tuổi đăng ký kết hôn. Căn cứ tài liệu do ông T và bà Q cung cấp thể hiện: Tại Trích lục kết hôn số 84 ngày 04/10/1993 có ghi thông tin bên chồng là Cao Văn T, sinh năm 1972 và bên vợ là Nguyễn Thị K, sinh năm 1974 tuy nhiên ông T, bà Q đều xác định thông tin nêu trên là không chính xác do khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng đã kê khai tăng tuổi lên để được đăng ký kết hôn với nhau. Về tên, tuổi đúng của hai vợ chồng, ông T và bà Q đều đề nghị Tòa án căn cứ thông tin ghi trong Căn cước công dân và Sổ hộ khẩu gia đình của ông T, bà Q để xác định, theo đó ông T xác định tên, ngày tháng năm sinh chính xác của ông T là Cao Xuân T, sinh ngày 05/3/1975 và bà Q xác định tên, ngày tháng năm sinh chính xác của bà Q là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 20/12/1979. Tòa án có yêu cầu ông T, bà Q xuất trình giấy khai sinh, học bạ ... để làm căn cứ xác định tuy nhiên ông T và bà Q đều không xuất trình được do không còn lưu giữ. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, UBND

xã TH cung cấp ông T có tên chính xác là Cao Xuân T, sinh ngày 05/3/1975 và bà Q có tên chính xác là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 20/12/1979 là đúng. Hiện UBND xã TH không còn lưu giữ sổ đăng ký khai sinh đối với trường hợp ông T, bà Q để cung cấp cho Tòa án. Qua lời khai bố đẻ của ông T (mẹ đẻ ông T và bố mẹ đẻ bà Q đều đã chết) thể hiện ông T có tên Cao Xuân T, sinh năm 1975 là chính xác.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở để xác định thông tin về nhân thân của ông T là Cao Xuân T, sinh ngày 05/3/1975 và nhân thân của bà Q là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 20/12/1979. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, tuổi của ông T là 18 tuổi 6 tháng 29 ngày và tuổi của bà Q là 13 tuổi 9 tháng 14 ngày đều chưa đủ độ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định về độ tuổi kết hôn là “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*” tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Mặt khác, quá trình chung sống hai bên xác định có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống và hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 06/2019 đến nay vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Xuân T về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Cao Xuân T và bà Nguyễn Thị Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà Q đều xác định vợ chồng có 04 con chung là Cao Thị K, sinh năm 1994; Cao Thị H, sinh năm 1998; Cao Thị H2, sinh ngày 15/6/2003 và Cao Văn P, sinh ngày 11/11/2007. Hiện nay con chung Cao Văn P đang ở cùng bà Q.

Đối với 03 con chung là Cao Thị K, Cao Thị H và Cao Thị H2, tính đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Đối với con chung Cao Văn P: Hiện nay con chung Phúc đang ở cùng với bà Q ổn định. Khi ly hôn ông T đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung còn bà Q đề nghị Tòa án giải quyết cho bà tiếp tục được nuôi con Cao Văn P. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung Cao Văn P thể hiện nguyện vọng muốn ở với bà Q. Mặt khác, ông T đang lao động tại nước ngoài nên khi ly hôn giao con chung Cao Văn P cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung Cao Văn P theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không phải giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Ông T và bà Q tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Cao Xuân T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11, Điều 12, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Xuân T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Cao Xuân T và bà Nguyễn Thị Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 04/10/1993 tại UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**2. Về con chung:** Giao cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cao Văn P, sinh ngày 11/11/2007, thời gian từ tháng 08/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Q tự nguyện không yêu cầu ông Cao Xuân T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Cao Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức:** Ông Cao Xuân T và bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.



**4. Về án phí:** Ông Cao Xuân T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0004702 ngày 11/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Hải**